

Tây Ninh, ngày 20 tháng 01 năm 2025

TỜ TRÌNH 03

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NIÊN ĐỘ 2024 - 2025

(V/v sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành ("**Luật Doanh Nghiệp**" hoặc "**LDN**");
- Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022 ("**Luật số 03/2022/QH**");
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành ("**Luật Chứng Khoán**" hoặc "**LCK**");
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán ("**NĐ 155**");
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán ("**Thông tư 116**");
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa ("**Điều Lệ**"),

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa (TTC-BH) kính trình Đại hội đồng cổ đông ("**ĐHĐCĐ**") thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

Thực hiện nhiệm vụ do ĐHĐCĐ phân giao, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức, triển khai thực hiện chuyển đổi mô hình hoạt động bám sát định hướng ứng dụng mô hình Chuỗi giá trị thương mại tuần hoàn – Circular Commercial Value Chain theo phương thức 3 Centers – 3 Layers – 3 Services – 01 System. Để hoàn thiện cơ cấu quản trị phù hợp với mô hình này, TTC-BH cần điều chỉnh các văn bản quản trị công ty nhằm xác lập khung pháp lý về quản trị, đồng thời đảm bảo tính thống nhất và tuân thủ theo quy định pháp luật. Những nội dung điều chỉnh và bổ sung sẽ bám sát thực tế vận hành của mô hình và các tiêu chuẩn quản trị hiện hành, từ đó làm cơ sở để xây dựng và ban hành các văn bản quản trị liên quan, thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng quản trị.

Vì vậy, Hội đồng quản trị TTC-BH kính trình ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, theo nội dung chi tiết được trình bày trong Phụ lục đính kèm Tờ trình này.



Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TKCT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐẶNG HUỖNH ỨC MY





PHỤ LỤC BẢNG ĐỀ XUẤT NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ghi chú:

- Các Điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi;
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Nội dung tại văn bản hiện hành” là các nội dung được in nghiêng, gạch chân.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung” là nội dung được in đậm, gạch chân.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
1	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Quy chế này quy định về cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Quy chế này quy định về cơ cấu tổ chức <u>nhân sự</u> , nguyên tắc hoạt động, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.	Điều 1.1 của mẫu Quy chế hoạt động của HĐQT tại Phụ lục III đính kèm Thông Tư 116/2020/TT-BTC	Bổ sung theo mẫu Quy chế hoạt động của HĐQT.
2	Điều 2. Đối tượng áp dụng Thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị và các cá nhân, đơn vị có liên quan.	Điều 2. Đối tượng áp dụng <u>Hội đồng quản trị</u> , Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ</u> thuộc Hội đồng quản trị và các cá nhân, đơn vị có liên quan.	Điều 1.2 của mẫu Quy chế hoạt động của HĐQT tại Phụ lục III đính kèm Thông Tư 116/2020/TT-BTC	Bổ sung theo mẫu Quy chế hoạt động của HĐQT, và tình hình thực tế tại công ty.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
3	Điều 3. Giải thích từ ngữ 1. Trong quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: [...] h. Người quản lý: là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, TGD. i. Người điều hành: là người điều hành Công ty, bao gồm TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và <u>người điều hành khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ.</u> 3. Các tiêu đề (chương, điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.	Điều 3. Giải thích từ ngữ 1. Trong quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: [...] h. Người quản lý: là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, TGD <u>và những người quản lý doanh nghiệp khác do HĐQT quyết định.</u> i. Người điều hành: là người điều hành Công ty, bao gồm TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và <u>những người điều hành doanh nghiệp khác do HĐQT quyết định tại Điều lệ.</u> 3. Các tiêu đề (chương, điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.	Điều 4.24 của Luật Doanh Nghiệp 2020 Điều 3.55 của Nghị Định 155/2020/NĐ-CP	Việc mở rộng các chủ thể được xem là “Người điều hành” và “Người quản lý” tạo sự linh động để công ty thuận tiện hơn trong việc quản trị và điều hành. Sửa lỗi đánh máy.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
4	Điều 4. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của HĐQT [...] 3. HĐQT giao trách nhiệm <u>cho Giám đốc (Tổng giám đốc)</u> tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.	Điều 4. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của HĐQT [...] 3. HĐQT giao trách nhiệm cho <u>thành viên HĐQT, các Ban, Ủy ban, bộ phận/đơn vị thuộc HĐQT, TGD, người quản lý hoặc người điều hành doanh nghiệp khác</u> tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.		Cập nhật phù hợp tình hình thực tế hoạt động của Công ty.
5	Điều 5. Quyền hạn và nghĩa vụ của thành viên HĐQT 1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.	Điều 5. Quyền hạn và nghĩa vụ của thành viên HĐQT 1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ, <u>các nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT, và các quy định, quy chế nội bộ của Công ty</u>, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.		Cập nhật phù hợp tình hình thực tế hoạt động của Công ty.
6	Điều 6. Quyền được cung cấp thông tin của	Điều 6. Quyền được cung cấp thông tin của	Điều 159 của Luật Doanh	Chỉnh sửa phù hợp với Điều 6.1 của Quy

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	thành viên HĐQT [...] 2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ quy định.	thành viên HĐQT [...] 2. Người quản lý, Phó Tổng giám đốc được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ và các quy chế, quy định nội bộ của Công ty quy định.	Nghị 2020	chế hoạt động của HĐQT
7	Điều 7. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên của HĐQT 4. Số lượng thành viên độc lập HĐQT được xác định theo quy định tại khoản 4 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên độc lập HĐQT được xác định theo quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế này.	Điều 7. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên của HĐQT 4. Số lượng thành viên HĐQT không điều hành tối thiểu bằng một phần hai (1/2) tổng số thành viên HĐQT. Số lượng thành viên độc lập HĐQT được xác định theo quy định tại khoản 4 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên độc lập HĐQT được xác định theo quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế này.	Điều 276.2 của Luật Chứng Khoán 2019 và Điều 26.3 của Điều lệ mẫu tại Phụ lục I đính kèm Thông Tư 116/2020/TT-BTC	Bổ sung để làm rõ số lượng thành viên HĐQT không điều hành, phù hợp thông lệ quản trị
8	Điều 8. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên	Điều 8. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên		Bổ sung các tiêu

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	HĐQT 1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: [...] [Không quy định].	HĐQT 1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: [...] <u>d. Không tư vấn, làm việc, đầu tư, góp vốn hoặc là người quản lý hoặc người điều hành tại công ty khác có ngành nghề hoạt động tương tự Công ty;</u> <u>e. Không được làm thành viên hội đồng quản trị, hội đồng thành viên hoặc nắm giữ chức danh quản lý hoặc điều hành tại các công ty khác cũng hoạt động trong ngành nông nghiệp;</u> <u>f. Không sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên tại một công ty khác hoạt động trong ngành nông nghiệp;</u> <u>g. Thành viên HĐQT và người có liên quan không sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên tại một công ty khác hoạt động trong ngành nông nghiệp;</u>		chuẩn và điều kiện khác đối với thành viên HĐQT.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
		<u>h. Người có liên quan của thành viên HĐQT không phải là người quản lý hoặc người điều hành tại công ty khác hoạt động trong ngành nông nghiệp;</u> <u>i. Không được đồng thời làm thành viên hội đồng quản trị tại quá 5 công ty khác; và</u> <u>j. Không có bất kỳ tranh chấp nào với Công ty, hoặc với Người quản lý hoặc Người điều hành của Công ty, bao gồm tranh chấp hiện hữu hoặc tranh chấp trong 3 năm gần nhất.</u> <u>Để làm rõ, thuật ngữ “công ty khác” tại điều khoản này không bao gồm công ty con và công ty liên kết của Công ty.</u>		
	2. Ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên độc lập HĐQT phải đáp ứng thêm các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: [...] [Không quy định].	2. Ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên độc lập HĐQT phải đáp ứng thêm các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: [...] <u>f. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác được quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về</u>	Điều 6.2(e) của mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị tại Phụ lục III đính kèm Thông Tư 116/2020/TT-BTC	Bổ sung các tiêu chuẩn và điều kiện khác đối với thành viên độc lập HĐQT.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
		<u>quản trị công ty.</u>		
	3. Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập HĐQT <u>trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập HĐQT có liên quan.</u>	3. Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập <u>HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty.</u>		Cập nhật thống nhất với Điều lệ
9	Điều 9. Chủ tịch HĐQT [...] 3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây: [...]	Điều 9. Chủ tịch HĐQT [...] 3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây: [...]		Bổ sung để mở rộng phạm vi các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, <u>Điều lệ, các nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT, các quy định, quy chế nội bộ của Công ty.</u>		
	4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT hoặc thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc được quy định tại Điều lệ. [...].	4. <u>Trường hợp Chủ tịch HĐQT từ chức, bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, không còn tư cách thành viên HĐQT, HĐQT phải bầu người thay thế trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn từ chức của Chủ tịch HĐQT, hoặc ngày Chủ tịch HĐQT bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm.</u> Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT hoặc thành viên HĐQT khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc được quy định tại Điều lệ. [...].	Điều 7.4 của mẫu Quy chế hoạt động của HĐQT tại Phụ lục III đính kèm Thông Tư 116/2020/TT-BTC, Điều 26.5 của Điều Lệ và Điều 16.2(e) của Quy Chế Quản Trị Nội Bộ	Bổ sung để làm rõ việc bầu người thay thế Chủ tịch HĐQT và thời hạn bầu tương ứng.
	5. Khi xét thấy cần thiết, HĐQT quyết định bổ nhiệm Thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây: [...]	5. Khi xét thấy cần thiết, HĐQT quyết định bổ nhiệm Thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây: [...]		Bổ sung để mở rộng phạm vi các quyền và nghĩa vụ của Thư ký công ty.
	e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp	e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp		

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	luật.	luật <u>và Điều lệ</u>		
10	Điều 10. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Phó Chủ tịch thường trực HĐQT hoặc các Phó Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT, Phó Chủ tịch thường trực HĐQT hoặc Phó Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ: [...] [Không quy định].	Điều 10. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Phó Chủ tịch thường trực HĐQT <u>(nếu có)</u> hoặc các Phó Chủ tịch HĐQT <u>(nếu có)</u> do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT. Phó Chủ tịch thường trực HĐQT hoặc Phó Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ: [...] <u>4. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật hiện hành, các nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế này.</u>		Bổ sung để làm rõ HĐQT không bắt buộc phải có Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng quản trị hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị. Bổ sung cập nhật thông tin phù hợp thực tế hoạt động
	Điều 11. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT 1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây: a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm	Điều 11. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT 1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây: a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm	Điều 160.1(c) của Luật Doanh Nghiệp 2020	Bổ sung để làm rõ vị trí của các tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp;	thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp, <u>Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế này;</u>		
	[Không quy định].	<u>3. Thành viên HĐQT đương nhiên không còn tư cách thành viên HĐQT khi:</u> <u>a. Kết thúc nhiệm kỳ;</u> <u>b. Chết hoặc bị tòa án tuyên bố chết;</u> <u>c. Bị tòa án tuyên bố mất tích;</u> <u>d. Bị tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự;</u> <u>e. Bị tòa án tuyên bố có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; hoặc</u> <u>f. Bị tòa án tuyên bố hạn chế năng lực hành vi dân sự.</u> <u>g. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật</u>		Bổ sung theo Điều 24.6 của Điều lệ.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	5. [...] c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a, b Khoản, tại cuộc họp gần nhất, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.	5 [...] c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a, b Khoản này và các trường hợp bầu bổ sung thành viên HĐQT theo Khoản 2 Điều 18 Quy chế này, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất.		Cập nhật thống nhất với Điều lệ
11	Điều 12. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT 1. Việc ứng cử, đề cử người vào HĐQT được thực hiện như sau: [...] b. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT theo quyết định của ĐHĐCĐ, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên HĐQT nhưng không vượt mức tối đa được quyền đề cử theo Điều lệ. Trường hợp số lượng các ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết,	Điều 12. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT 1. Việc ứng cử, đề cử người vào HĐQT được thực hiện như sau: [...] b. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT theo quyết định của ĐHĐCĐ, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên HĐQT nhưng không vượt mức tối đa được quyền đề cử theo Điều lệ. Trường hợp số lượng các ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết,	Điều 115.5 của Luật Doanh Nghiệp 2020	Bổ sung từ ngữ để làm rõ trách nhiệm tìm ứng viên của HĐQT.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.	HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ. Việc HĐQT đương nhiệm phải giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.		
	2. Cách thức bầu thành viên HĐQT. [...] c. [...]. Để đảm bảo đạt số lượng tối thiểu thành viên độc lập HĐQT, các ứng độc lập HĐQT sẽ được chọn trước (tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp riêng cho các ứng viên độc lập HĐQT). Sau khi chọn đủ số lượng thành viên độc lập HĐQT, việc chọn các thành viên HĐQT còn lại sẽ được tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp (bao gồm các ứng viên HĐQT không độc lập và độc lập còn lại).	2. Cách thức bầu thành viên HĐQT. [...] c. [...]. Để đảm bảo đạt số lượng tối thiểu thành viên độc lập HĐQT, các ứng viên thành viên độc lập HĐQT sẽ được chọn trước (tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp riêng cho các ứng viên thành viên độc lập HĐQT). Sau khi chọn đủ số lượng thành viên độc lập HĐQT, việc chọn các thành viên HĐQT còn lại sẽ được tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp (bao gồm các ứng viên HĐQT không độc lập và độc lập còn lại).		Bổ sung từ ngữ để làm rõ nội dung.
12	Điều 13. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT 1.	Điều 13. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT 1.		Cập nhật Điều 24.4 của Điều lệ.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	[...] [Không quy định].	[...] <u>f. Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên hội đồng quản trị (nếu có); và</u>		
13	Điều 14. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản trị Cơ cấu tổ chức hoạt động của HĐQT bao gồm: [...] 2. 01 (một) Phó Chủ tịch thường trực HĐQT.	Điều 14. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản trị Cơ cấu tổ chức hoạt động của HĐQT bao gồm: [...] 2. 01 (một) Phó Chủ tịch thường trực HĐQT <u>(có thể có hoặc không do HĐQT quyết định theo từng thời kỳ).</u>		Bổ sung để làm rõ HĐQT không bắt buộc phải có Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng quản trị.
14	Điều 16. Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT 1. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp,	Điều 16. Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT 1. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp,		

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: [...] i. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp; điểm d, khoản 1; điểm h, k khoản 3 Điều 14; khoản 8 Điều 35, điểm b khoản 9 Điều 35 của Điều lệ. [...] l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định <u>thành lập</u> công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;	Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: [...] i. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp; điểm d, khoản 1; điểm h, k khoản 3 Điều 14; <u>điểm b khoản 7 Điều 35</u>, khoản 8 Điều 35, điểm b khoản 9 Điều 35 của Điều lệ. [...] l. <u>Quyết định cơ cấu tổ chức, chính sách, quy định, quy chế quản lý nội bộ của công ty, trừ các quy chế thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; quyết định tất cả vấn đề liên quan đến công ty con, công ty liên kết, chi nhánh, văn phòng đại diện, bao gồm nhưng không chỉ giới hạn ở việc thành lập và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác, trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;</u>		Bổ sung theo Điều 25.2(i) của Điều lệ. Bổ sung theo Điều 25.2(l) của Điều lệ.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	[...] [Không quy định]. [...] s. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.	[...] s. <u>Hủy bỏ hoặc thay đổi các quyết định của TGD nếu các quyết định này gây ra hoặc tiềm ẩn xung đột lợi ích, không vì lợi ích tốt nhất của Công ty, hoặc trái quy định pháp luật, Điều lệ hoặc các quy định, quy chế nội bộ của Công ty;</u> t. <u>Ban hành nghị quyết yêu cầu TGD thực hiện các vấn đề thuộc thẩm quyền của TGD theo chỉ đạo, hướng dẫn của HĐQT; và</u> [...] u. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty, <u>các quy định, quy chế nội bộ của Công ty, nghị quyết ĐHĐCĐ, và các quyền không được quy định rõ ràng là thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ và TGD.</u>		Bổ sung theo Điều 25.2(s) của Điều lệ. Bổ sung theo Điều 25.2(t) của Điều lệ. Bổ sung theo Điều 25.2(u) của Điều lệ.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
15	Điều 17. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch 1. HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và không là giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau: a. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người <u>điều hành</u> khác và người có liên quan của các đối tượng này;	Điều 17. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch 1. HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và không là giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau: a. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người <u>quản lý doanh nghiệp</u> khác và người có liên quan của các đối tượng này;	Điều 12.1 của mẫu Quy chế hoạt động của HĐQT tại Phụ lục III đính kèm Thông Tư 116/2020/TT-BTC	Cập nhật theo quy định pháp luật.
	2. Những nội dung quan trọng của hợp đồng, giao dịch nêu tại khoản 1 Điều này cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT và người có liên quan của thành viên	2. Những nội dung quan trọng của hợp đồng, giao dịch nêu tại khoản 1 Điều này cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT và người có liên quan của thành viên		

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	HĐQT phải được báo cáo HĐQT. HĐQT thông qua các hợp đồng, giao dịch này bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan	HĐQT phải được <u>người đại diện Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch có trách nhiệm báo cáo HĐQT và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT thông qua các hợp đồng, giao dịch này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo</u> bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan.	Điều 167.2 và Điều 167.4 của Luật Doanh Nghiệp 2020, Điều 12.2 của mẫu Quy chế hoạt động của HĐQT tại Phụ lục III đính kèm Thông Tư 116/2020/TT-BTC	Cập nhật theo quy định pháp luật.
16	Điều 18. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường 1. HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau: [...] <i>c. Khi số thành viên độc lập HĐQT còn lại ít</i>	Điều 18. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường 1. HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau: [...] c. Khi số thành viên độc lập HĐQT còn lại		

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	<u>hơn số thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật;</u> d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;	<u>ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật hoặc ít hơn 2 thành viên, tùy trường hợp nào xảy ra trước;</u> d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có <u>đầy đủ nội dung theo khoản 4 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, và có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan, trường hợp văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản thì phải tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</u>	Điều 13.1(c) của mẫu Quy chế hoạt động của HĐQT tại Phụ lục III đính kèm Thông Tư 116/2020/TT-BTC	Bổ sung theo Điều 13.3(c) của Điều lệ Bổ sung theo mẫu Quy chế hoạt động của HĐQT.
	2. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này; HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn <u>90 ngày</u> kể từ ngày số thành viên độc lập HĐQT còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 155 Luật Doanh nghiệp, khi đó, HĐQT được quyền lựa chọn thực hiện một trong các hành động quy định tại khoản 3 Điều	2. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này; HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn <u>60 ngày</u> kể từ ngày số thành viên độc lập HĐQT còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 155 Luật Doanh nghiệp, khi đó, HĐQT được quyền lựa chọn thực hiện một trong các hành động quy định tại khoản 3 Điều		Bổ sung theo Điều 13.4(b) của Điều lệ.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	155 Luật Doanh nghiệp.	155 Luật Doanh nghiệp.		
17	Điều 19. Các Ủy ban của HĐQT 1. HĐQT có thể thành lập các <u>Ủy ban hỗ trợ hoạt động của HĐQT là Ủy ban Đề cử và đãi ngộ, Ủy ban Chiến lược, Ủy ban kiểm toán và các Ủy ban khác</u>. Số lượng thành viên của mỗi Ủy ban do HĐQT quyết định. 2. HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập Ủy ban, trách nhiệm của từng Ủy ban, trách nhiệm của thành viên của Ủy ban. Hoạt động của Ủy ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của Ủy ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của Ủy ban.	Điều 19. Các Ủy ban của HĐQT 1. <u>HĐQT có thể thành lập các Ủy ban hỗ trợ hoạt động của HĐQT là Ủy ban kiểm toán, Ủy ban phát triển bền vững (ESG), Ủy ban nhân sự và các Ban, Ủy ban khác hoặc đơn vị/bộ phận hỗ trợ hoạt động của HĐQT. Số lượng, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện thành viên của mỗi Ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ do HĐQT quyết định.</u> 2. HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập và <u>ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban, Ủy ban, hoặc đơn vị/bộ phận hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, bao gồm nhưng không chỉ giới hạn ở trách nhiệm của từng Ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ, trách nhiệm của thành viên của Ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ, cơ cấu tổ chức, cách thức tổ chức họp và biểu quyết, cách thức ra quyết định, thù lao, đánh giá và các vấn đề khác liên quan đến Ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ. Hoạt động của Ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ phải tuân thủ theo quy định của HĐQT.</u>	Điều 14.1 của mẫu Quy chế hoạt động của HĐQT tại Phụ lục III đính kèm Thông Tư 116/2020/TT-BTC	Cập nhật theo thực tế của công ty. Bổ sung tiểu ban, ban hoặc các đơn vị/bộ phận giúp việc khác của HĐQT để tạo sự linh động cho HĐQT trong việc thành lập các bộ phận giúp việc khác trong tương lai.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	[Không quy định].	3. Ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ tổ chức các cuộc họp định kỳ để lập kế hoạch hoạt động, thực hiện các công việc do HĐQT phân công và báo cáo HĐQT vào cuối năm tài chính hoặc khi có yêu cầu. Cuộc họp định kỳ hàng quý của Ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ phải diễn ra trước cuộc họp định kỳ hàng quý của HĐQT. <u>HĐQT có thể đánh giá hiệu quả hoạt động của các thành viên Ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ định kỳ hoặc bất kỳ thời điểm nào.</u>		Bổ sung để làm rõ trách nhiệm của Ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ.
	[Không quy định].	4. <u>HĐQT có thể tham gia cuộc họp Ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ.</u>		Bổ sung để làm rõ quyền của HĐQT khi tham dự cuộc họp của Ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ.
18	Điều 20. Trình tự, thủ tục tổ chức họp	Điều 20. Trình tự, thủ tục tổ chức họp		Bổ sung quy định về

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	HĐQT [...] 2. HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.	HĐQT [...] 2. HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường. <u>HĐQT phải lập kế hoạch họp HĐQT định kỳ hàng năm.</u>		cuộc họp định kỳ của HĐQT.
	[Không quy định].	<u>8. HĐQT có quyền lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản, gửi email hoặc trao đổi qua hệ thống thông tin của Công ty theo điều kiện và trình tự do HĐQT ban hành.</u>		Bổ sung các hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản.
	[Không quy định].	<u>9. Ngoài các cuộc họp được quy định tại Điều này, HĐQT có quyền tổ chức các cuộc gặp gỡ, trao đổi về chuyên môn hoặc một số vấn đề của Công ty mà không thuộc trường hợp phải triệu tập, tổ chức và lập biên bản họp theo quy định tại Điều 28 của Điều lệ. Các cuộc gặp gỡ hoặc trao đổi này không được xem là cuộc họp HĐQT chính thức để ban hành nghị quyết hay biểu quyết thông qua bất kỳ vấn đề nào.</u>		Bổ sung quy định về các cuộc trao đổi của HĐQT mà không cần lập biên bản họp và nghị quyết.
19	Điều 21. Điều kiện tiến hành và cách thức	Điều 21. Điều kiện tiến hành và cách thức	Điều 167.2 của Luật Doanh	Chỉnh sửa để tuân thủ nguyên tắc của

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	biểu quyết trong cuộc họp HĐQT [...] 2. Cách thức biểu quyết và thông qua nghị quyết của HĐQT: [...] c. Theo quy định tại điểm d Khoản này, <i>khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ toạ cuộc họp và phán quyết của chủ toạ liên quan đến tất cả các thành viên HĐQT khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng</i>, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố một cách thích đáng; e. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang	biểu quyết trong cuộc họp HĐQT [...] 2. Cách thức biểu quyết và thông qua nghị quyết của HĐQT: [...] c. Theo quy định tại điểm d Khoản này, <u>thành viên có lợi ích liên quan không được biểu quyết</u>, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố một cách thích đáng; [...] e. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp <u>và có quyền biểu quyết</u> tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định	Nghịệp 2020.	Luật doanh nghiệp: thành viên có lợi ích liên quan không được biểu quyết. Bổ sung để làm rõ tỷ lệ thông qua nghị quyết HĐQT chỉ tính dựa trên số phiếu của

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị, <u>hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không có quyền biểu quyết và số phiếu biểu quyết ngang nhau, vấn đề sẽ không được thông qua.</u>		những thành viên HĐQT dự họp và có quyền biểu quyết.
	3. Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho <i>người khác</i> dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận	Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho <u>Thành viên HĐQT khác</u> dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận		Cập nhật thống nhất với Điều lệ
20	Điều 22. Biên bản họp và nghị quyết của HĐQT 1 [...] d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc <i>người</i> được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; [...] 2. Trường hợp <i>chủ toạ, người ghi biên bản</i> từ chối ký biên bản họp, nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có	Điều 22. Biên bản họp và nghị quyết của HĐQT 1 [...] d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc <u>Thành viên</u> được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; [...] 2. Trường hợp <u>(i) chủ toạ hoặc người ghi biên bản, hoặc (ii) cả chủ toạ và người ghi biên bản</u> từ chối ký biên bản họp, nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có	Điều 158.2 của Luật Doanh Nghiệp 2020	Chỉnh sửa để làm rõ cách thức xử lý khi chủ tọa hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc <u>chủ tọa, người ghi biên bản</u> từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.	đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc <u>(i) chủ tọa hoặc người ghi biên bản, hoặc (ii) cả chủ tọa và người ghi biên bản</u> từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.		
	4. Biên bản họp HĐQT phải được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh. Trong trường hợp nội dung Biên bản họp có sự khác biệt giữa tiếng Việt và tiếng Anh thì tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.	4. Biên bản họp HĐQT phải được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh. <u>Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau.</u> Trong trường hợp nội dung Biên bản họp có sự khác biệt giữa tiếng Việt và tiếng Anh thì tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.	Điều 158.5 của Luật Doanh Nghiệp 2020	Bổ sung quy định về tính hiệu lực của Biên bản họp được soạn bằng tiếng việt và tiếng nước ngoài.
21	Điều 23. Trình báo cáo hàng năm 1. HĐQT phải báo cáo ĐHCĐ kết quả hoạt động theo điểm c khoản 2 Điều 14 của Điều lệ và phải đảm bảo có các nội dung sau:	Điều 23. Trình báo cáo hàng năm 1. HĐQT phải báo cáo ĐHCĐ kết quả hoạt động theo điểm c khoản 2 Điều 14 của Điều lệ và phải đảm bảo có các nội dung sau:	Điều 197.1 của Luật Doanh Nghiệp 2020	Bổ sung các loại báo cáo theo quy định pháp luật.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	[...] [Không quy định]. <u>e. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT.</u> <u>f. Hoạt động của các ủy ban khác thuộc HĐQT.</u> <u>g. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc.</u> <u>h. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.</u>	[...] <u>e. Đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty của Ban điều hành;</u> <u>f. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán và các ủy ban khác thuộc HĐQT.</u> <u>g. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác.</u>		
	2. Báo cáo quy định tại khoản 1 Điều được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty theo quy định pháp luật.	2. Báo cáo quy định tại khoản 1 Điều <u>này, báo cáo kiểm toán được lưu giữ bằng hình thức thích hợp tại trụ sở</u> chính của Công ty theo quy định pháp luật.	Điều 175.4 của Luật Doanh Nghiệp 2020 và Điều 18.1 của mẫu Quy chế hoạt động của HĐQT tại Phụ lục III đính kèm Thông Tư 116/2020/TT-BTC	Cập nhật theo quy định pháp luật và mẫu quy chế hoạt động của HĐQT.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
22	Điều 24. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của các thành viên Hội đồng quản trị [...] 2. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và thưởng theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. <u>Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính chi trả mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí.</u> Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do ĐHDCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.. [...] 4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Thường trực hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các Ủy ban của HĐQT, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác	Điều 24. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của các thành viên Hội đồng quản trị [...] 2. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và thưởng theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do ĐHDCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên. [...] 4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Thường trực hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên HĐQT làm việc tại <u>các Ban, Ủy ban, bộ phận/đơn vị hỗ trợ của HĐQT,</u> hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của		Bổ sung để làm rõ thành viên HĐQT có thể làm việc tại các ban, ủy ban và/hoặc đơn vị/bộ phận hỗ trợ khác của HĐQT.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	theo quyết định của HĐQT.	HĐQT.		
	5. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của HĐQT hoặc các Ủy ban của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.	5. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của HĐQT hoặc các Ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.		Bổ sung từ ngữ để thống nhất với các điều khoản khác.
23	Điều 28. Mỗi quan hệ với Tổng giám đốc và Ban điều hành [...] 4. Trừ khi luật pháp quy định khác, HĐQT có thể <u>ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và/hoặc Người điều hành đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</u>	Điều 28. Mỗi quan hệ với Tổng giám đốc và Ban điều hành [...] 4. Trừ khi luật pháp quy định khác, HĐQT có thể <u>phân quyền hoặc giao quyền cho Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Người điều hành khác, các Ủy ban thuộc HĐQT hoặc chủ thể khác thực hiện một hoặc một số trách nhiệm và quyền hạn thuộc thẩm quyền của mình. Việc phân quyền hoặc giao quyền phải vì lợi ích tốt nhất của Công ty, được thể hiện bằng nghị quyết, và xác định rõ ràng, cụ thể chủ thể, nội dung, thời hạn và điều kiện phân quyền</u>		Bổ sung cơ chế phân quyền hoặc giao quyền của HĐQT để tạo sự linh động trong quá trình quản trị và điều hành công ty.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
		<u>hoặc giao quyền. Những chủ thể được HĐQT phân quyền hoặc giao quyền không được phân quyền hoặc giao quyền lại cho cá nhân, đơn vị khác, trừ khi được HĐQT chấp thuận.</u>		
24	Điều 30. Mỗi quan hệ với tổ chức Công đoàn [...] 2. <u>HĐQT ủy quyền cho TGD</u> ký thoả ước lao động với Ban chấp hành Công đoàn, có cơ chế để đại diện Ban chấp hành Công đoàn cơ sở và bộ phận tham gia Hội đồng khen thưởng hàng năm, đồng thời cũng cần phải xây dựng cơ chế để Ban chấp hành Công đoàn cơ sở tham gia giám sát việc sử dụng hợp lý Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế hàng năm của Công ty.	Điều 30. Mỗi quan hệ với tổ chức Công đoàn [...] 2. <u>Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền của Công ty</u> ký thoả ước lao động với Ban chấp hành Công đoàn, có cơ chế để đại diện Ban chấp hành Công đoàn cơ sở và bộ phận tham gia Hội đồng khen thưởng hàng năm, đồng thời cũng cần phải xây dựng cơ chế để Ban chấp hành Công đoàn cơ sở tham gia giám sát việc sử dụng hợp lý Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế hàng năm của Công ty.	Điều 76.4 của Bộ Luật Lao Động 2019	Bổ sung để làm rõ thẩm quyền ký Thỏa ước lao động tập thể.
25	[Không quy định].	CHƯƠNG VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	Điều 24 của mẫu Quy chế hoạt động của HĐQT	Bổ sung theo mẫu Quy chế hoạt động của HĐQT.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
		Điều 31. Hiệu lực thi hành <u>1. Nếu có bất kỳ quy định nào trong Quy chế này mâu thuẫn với quy định của Điều lệ, quy định pháp luật thì quy định của Điều lệ, quy định pháp luật sẽ được ưu tiên áp dụng.</u> <u>Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của HĐQT chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của HĐQT.</u> <u>2. Quy chế này có hiệu lực từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua, được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. Quy chế này thay thế cho Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT đã ban hành trước đây (nếu có).</u> <u>3. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ hoặc bãi bỏ Quy chế này do HĐQT xem xét</u>	tại Phụ lục III đính kèm Thông Tư 116/2020/TT-BTC	

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
		<u>xây dựng và trình ĐHĐCĐ thông qua.</u>		

* * * * *